TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:78/2025/DS-PT
Ngày: 23-01-2025
V/v tranh chấp: *"Hợp đồng vay tài sản; Hợp đồng mua bán tài sản"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Minh Nguyệt.**

Các Thẩm phán: Bà **Lâm Ngọc Tuyền.**

Bà **Nguyễn Thị Ánh Phương.**

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông **Nguyễn Chí Thành** - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Cẩm Thúy** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 14 và 23 tháng 01 năm 2025, tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 553/2024/TLPT-DS ngày 14 tháng 11 năm 2024 về việc tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản; Hợp đồng mua bán tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 307/2024/DS-ST ngày 19 tháng 8 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 580/2024/QĐ-PT ngày 21 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Đoàn Thị S, sinh năm 1970;

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền: Chị Nguyễn Ngọc P, sinh năm 1991 (có mặt);

Địa chỉ: Số D T, Phường F, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Nguyễn Thị D, sinh năm 1960 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp L, xã Q, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền: Huỳnh Thị Cẩm T, sinh năm 1982 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp Q, xã Q, huyện C, tỉnh Tiền Giang (theo Giấy ủy quyền ngày 21/01/2025 của Văn phòng C1, tỉnh Tiền Giang).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Huỳnh Văn Dễ H, sinh năm 1963 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp L, xã Q, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

4. Người làm chứng:

4.1. Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1989 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp Q, xã Q, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

4.2. Trương Thị C, sinh ngày 01/01/1958 (có mặt);

Địa chỉ: E, ấp C, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

5. Người kháng cáo: Bị đơn Nguyễn Thị D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm,

**** Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn cũng như đại diện uỷ quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc P trình bày:***

Do quen biết, từ năm 2021 đến năm 2023, bà S bỏ mối rau cho bà D gối đầu và bà S hốt hụi của người ta và đưa số tiền hốt hụi của bà S cho bà D mượn, mỗi tháng bà D phải trả tiền cho bà S nhưng bà D không thực hiện. Đến ngày 25/6/2023 tổng kết nợ bà D còn nợ lại bà S số tiền là 398.000.000 đồng. Bà D có viết biên nhận mượn tiền cho bà S, không thỏa thuận lãi suất, mỗi ngày bà D phải trả cho bà S 400.000 đồng, tính từ ngày 07/7/2023 (nhằm ngày 20/5/2023 AL) đến khi hết nợ (có viết cam kết).

Tuy nhiên từ ngày 07/7/2023 đến nay, bà D vẫn không trả tiền cho bà S theo đúng như thỏa thuận, bà S đã nhiều lần yêu cầu bà D trả cho bà S số tiền 398.000.000 đồng nhưng bà D cứ hứa hẹn mà không thực hiện và tìm nhiều cách tránh mặt bà S.

Do đó, nay bà S yêu cầu bà D có nghĩa vụ trả cho bà S số tiền đã mượn là 398.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật là 0,83%/tháng, tính từ ngày 25/6/2023, yêu cầu trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật

**** Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Nguyễn Thị D trình bày:***

Tôi bán rau củ tại chợ xã T, bà Đoàn Thị S là người bỏ mối rau củ quả, hằng ngày tôi lấy rau củ quả của bà S, từ năm 2021 đến năm 2023 thì tôi có thiếu tiền rau củ quả của bà S 80.000.000 đồng. Bà S không có cho tôi mượn tiền và tôi cũng không có nhận bất cứ đồng tiền nào từ bà S.

Giấy biên nhận nợ và giấy cam kết bắt đầu trả tiền là do tôi viết, ký tên nhưng bà S và ông Đ là người hù dọa, ép buộc tôi viết. Tôi không nhớ giấy biên nhận nợ viết vào ngày nào do lúc đó tôi mới vừa nằm viện về nên đầu óc không tỉnh táo nên không nhớ, lúc đó tôi sợ quá nên tinh thần tôi không ổn định.

Việc tôi viết biên nhận nợ, giấy cam kết chỉ có tôi, bà S và ông Đ biết, ngoài ra không còn ai chứng kiến việc này. Tôi cũng không yêu cầu giám định

tinh thần của tôi, do lúc đó tôi sợ nên tinh thần không tỉnh táo, hiện tại tinh thần tôi vẫn bình thường.

Nay bà S khởi kiện yêu cầu tôi trả số tiền 398.000.000 đồng và lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 25/6/2023 cho đến khi Tòa án xét xử thì tôi không đồng ý do tôi không có vay tiền của bà S và cũng không có nhận tiền của bà S. Tôi chỉ đồng ý trả cho bà S số tiền tôi nợ tiền rau củ quả là 80.000.000 đồng, tôi xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, không trả lãi.

**** Tại biên bản ghi lời khai ngày 16/7/2024 thì bà Nguyễn Thị D trình bày:***

Tôi và bà S có mối quan hệ quen biết, biên nhận ngày 25/6/2023 và giấy cam kết ghi bắt đầu trả từ ngày 07/07/2023 là do tôi viết, ký tên và ghi họ tên. Khi viết biên nhận và giấy cam kết trên là do bà S đã uy hiếp, ép buộc tôi viết. Tôi không có tài liệu chứng cứ gì chứng minh tôi bị ép buộc, tuy nhiên tôi có xác nhận của Công an xã A ngày 5/6/2023 là bà D đánh tôi còn ngày viết biên nhận ngày 25/6/2023 thì tôi không có báo chính quyền địa phương nên không có ai lập biên bản. Đến thời điểm hiện nay tôi chỉ còn nợ bà S 50.000.000 đồng, tôi xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng. Thực sự tôi không có vay tiền của bà S, bà S nói với tôi bà S sẽ tham gia hụi dùm tôi, tôi không biết chủ hụi là ai, bà S nói hốt được 150.000.000 đồng, 02 dây hốt được 300.000.000 đồng nhưng bà S giữ không đưa cho tôi, hàng ngày tôi đóng cho bà S 600.000 đồng, đóng từ tháng 02/2022 đến tháng 06/2023, sau đó tôi có gửi tiếp cho bà S lần lượt số tiền 2.000.000 đồng, 2.000.000 đồng, 2.000.000 đồng, 2.000.000 đồng, 1.000.000 đồng, 1.000.000 đồng, 30.000.000 đồng, 30.000.000 đồng, 30.000.000 đồng, tổng cộng từ tháng 02/2022 cho đến nay tôi đã đóng cho bà S 290.000.000 đồng nên nay tôi chỉ còn nợ bà S 50.000.000 đồng. Khi đưa tiền cho bà S thì bà S không làm biên nhận hay giấy tờ gì cho tôi, tôi không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh. Bà S giữ số tiền 300.000.000 đồng không đưa cho tôi bất kỳ khoản tiền nào, hàng ngày bà S bỏ khoảng một triệu đến hai triệu tiền rau quả để trừ. Chồng tôi tên Huỳnh Văn D1 hoặc Huỳnh Văn Dễ H, cả hai tên đó là một người. Tôi ghi tên chồng tôi vào biên nhận là do bà S yêu cầu chứ chồng tôi không hề liên quan gì đến giao dịch giữa tôi và bà S.

**** Tại bản tự khai ngày 08/5/2024 người làm chứng Nguyễn Văn Đ trình bày:***

Ngày 25/6/2023 tôi có chứng kiến bà S và bà D làm tổng kết nợ. Theo đó, bà D có thừa nhận thiếu bà S số tiền 398.000.000 đồng và có viết biên nhận nợ giao cho bà S cất giữ. Khi viết biên nhận thì có tôi, bà S, bà D, không ai ép bà D viết biên nhận. Tôi xin cam đoan lời trình bày trên là đúng sự thật.

**** Tại phiên toà, đại diện uỷ quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc P trình bày***: Bà S vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, từ năm 2021 đến năm 2023 bà S cho bà D mượn tiền và bà D thiếu tiền rau củ, quả tổng số tiền 398.000.000 đồng, bà D hứa từ ngày 07/7/2023 mỗi ngày sẽ trả cho bà S số tiền 400.000 đồng cho đến khi hết nợ nhưng từ khi tổng kết nợ và viết cam kết cho đến nay bà D không thực hiện, trong biên nhận ngày 25/6/2023 có ghi tên chồng bà D là

ông Huỳnh Văn D1 là do bà D tự viết vào, chứ không liên quan đến chồng bà D. Nay bà S yêu cầu bà D trả cho bà số tiền 398.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 07/7/2023 cho đến ngày xét xử, lãi suất 0.83%, tính chẵn 13 tháng, trả khi án có hiệu lực pháp luật.

*****Tại phiên toà, bị đơn Nguyễn Thị D trình bày***: Tôi không nhớ rõ còn nợ bà S bao nhiêu nhưng tôi chỉ còn nợ khoảng 50.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng, tôi không có nợ đến số tiền 398.000.000 đồng. Giấy biên nhận nợ ngày 25/6/2023 và giấy cam kết bắt đầu trả tiền từ ngày 07/7/2023 là do tôi viết, ký tên và ghi rõ họ tên nhưng khi đó tôi bị bà S hù doạ, ép buộc, thêm vào đó là tôi mới xuất viện về, đầu óc không tỉnh táo nên đã viết giấy biên nhận nợ và giấy cam kết, tôi không có tài liệu chứng cứ gì để chứng minh bà S đe doạ tôi viết biên nhận vì khi đó chỉ có tôi, bà S, ông Đ, không có ai chứng kiến nữa. Bà S không có cho tôi mượn tiền mà bà S nói tham gia dùm tôi 02 dây hụi, mỗi dây hốt được 150.000.000 đồng, 02 dây hốt 300.000.000 đồng rồi bà S giữ hết số tiền đó, từ tháng 02/2022 đến tháng 06/2023 mỗi ngày tôi phải đóng cho bà S 600.000 đồng và sau đó tôi có trả tiếp cho bà S nhiều lần, ngày nào tôi không nhớ nhưng tổng cộng tôi đã trả cho bà S số tiền 290.000.000 đồng nên nay tôi chỉ còn nợ bà S tầm 50.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng mà thôi. Tờ giấy pho to với nội dung: (tháng 10al) chủ hụi....tổng tiền đã đưa là 299.500.000 và tờ giấy pho to với nội dung: chủ hụi đưa:150.000... tháng 10/2022 gởi 10.000đ là do bà S đưa cho tôi, tôi không có bản chính; tôi không biết bà chủ hụi ở Long An tên gì, địa chỉ ở đâu, tôi chỉ biết bà S nhưng khi đưa tiền cho bà S thì bà S không có làm biên nhận gì cho tôi. Nay tôi chỉ đồng ý trả cho bà S từ 50.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng, trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

*** Bản án dân sự sơ thẩm số:** 307/2024/DS-ST ngày 19 tháng 8 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Áp dụng khoản 4 Điều 91, Điều 94, Điều 95, Điều 147, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng Điều 357, Điều 430, Điều 440, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị S.

Buộc bà Nguyễn Thị D có nghĩa vụ trả cho bà Đoàn Thị S số tiền 398.000.000 đồng và tiền lãi 42.944.000 đồng, tổng cộng 440.944.000 đồng, thời gian trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà S có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà D chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 20 tháng 8 năm 2024, bị đơn Nguyễn Thị D kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử theo hướng bà D chỉ còn nợ bà S 80.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; các đương sự không tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ bởi lẽ lời khai của người làm chứng do bị đơn yêu cầu Tòa án triệu tập có mặt tại phiên tòa là bà Trương Thị C không có nội dung nào chứng minh cho lời khai của bị đơn là có trả góp tiền vay cho bà S. Bà D kháng cáo nhưng không có tài liệu chứng minh cho yêu cầu của mình nên không có căn cứ chấp nhận, từ đó đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của bị đơn Nguyễn Thị D nộp còn trong thời hạn và hợp lệ, đúng với quy định tại các các điều 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định quan hệ tranh chấp đúng quy định và đúng thẩm quyền giải quyết.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Huỳnh Văn Dễ H đến tham gia phiên tòa phúc thẩm nhưng ông Dễ H đều vắng mặt và không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử phúc thẩm vắng mặt ông.

[2] Về nội dung xét kháng cáo của bị đơn Nguyễn Thị D:

Nguyên đơn Đoàn Thị S yêu cầu bị đơn Nguyễn Thị D trả số tiền vay 398.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 25/6/2023 đến ngày Tòa án xét xử với mức lãi suất là 0,83%tháng. Căn cứ khởi kiện của bà S là biên nhận nợ ngày 25/6/2023 và giấy cam kết (không ghi ngày tháng).

Bị đơn Nguyễn Thị D thừa nhận: Biên nhận nợ ngày 25/6/2023 là do bà viết và ký tên nhưng cho rằng bà chỉ còn nợ bà S 80.000.000 đồng.

Nhận thấy, nội dung biên nhận nợ ngày 25/6/2023 (bút lục 17) nêu: "*Tôi tên Nguyễn Thị D ... chồng tôi Huỳnh Văn D1 ... có mượn của bà Đoàn Thị S ...*

bắt đầu 2021 – 2023 số tiền là 398.000.000 ba trăm chín mươi tám triệu đồng không lãi suất". Và giấy cam kết (bút lục 16) thể hiện nội dung: "*Tôi tên Nguyễn Thị D bắt đầu từ ngày 07/7/2023 tôi sẽ đóng cho bà Đoàn Thị S mỗi ngày 400.000 đồng nếu tôi không đóng tôi sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật*".

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện nguyên đơn trình bày: Số tiền 398.000.000 đồng là tiền nợ tổng kết bao gồm tiền bà D mượn và tiền nợ rau củ, quả của bà S giao mối cho bà D từ năm 2021 đến năm 2023. Theo nội dung cam kết thì bà S đồng ý cho bà D trả dần mỗi ngày là 400.000 đồng bắt đầu từ ngày 07/7/2023 cho đến khi hết nợ nhưng bà D không thực hiện.

Quá trình giải quyết sơ thẩm bà D cho rằng bà S đã cầm tay ép buộc bà viết, ký tên biên nhận nợ và giấy cam kết, theo bà thì bà chỉ còn nợ tiền rau củ quả là 80.000.000 đồng.

Xét thấy, bà D trình bày là có trả cho bà S số tiền 290.000.000 đồng thông qua việc bà S hốt hai dây hụi chơi dùm bà là 150.000.000 đồng và số tiền bà góp mỗi ngày cho bà S nhưng bà S không thừa nhận và bà D không cung cấp được tài liệu chứng cứ để chứng minh cho lời khai của mình. Đồng thời cũng không có chứng cứ chứng minh có việc Bà bị bà S đe dọa hay ép buộc cầm tay bà viết, ký tên biên nhận nợ ngày 25/6/2023 và giấy cam kết. Vì vậy cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà S, buộc bà D trả số tiền nợ 398.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 07/7/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm là có căn cứ, phù hợp với quy định.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 23/01/2025, có mặt người làm chứng Trương Thị C nhưng lời khai của bà C là có nghe nói bà D bị đánh, bà C xác định không biết bà S là ai và không biết gì đến việc tiền góp qua lại của bà D.

Bà D kháng cáo nhưng không cung cấp tài liệu chứng cứ nào mới làm thay đổi nội dung vụ án nên Tòa án cấp phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận, từ đó giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3] Về án phí: Bà D được xét miễn nộp tiền án phí phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/20216 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[4] Về ý kiến và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự

Căn cứ khoản 4 Điều 91, Điều 94, Điều 95, Điều 147, Điều 148, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357, Điều 430, Điều 440, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Nguyễn Thị D.

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 307/2024/DS-ST ngày 19 tháng 8 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị S.

Buộc bà Nguyễn Thị D có nghĩa vụ trả cho bà Đoàn Thị S số tiền 398.000.000 đồng và tiền lãi 42.944.000 đồng, tổng cộng là 440.944.000 đồng (bốn trăm bốn mươi triệu chín trăm bốn mươi bốn ngàn đồng), thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà S có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà D chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị D được miễn nộp tiền án phí dân dự sơ thẩm và dân sự phúc thẩm.

Hoàn lại cho bà Đoàn Thị S số tiền 10.423.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí toà án số 0026347 ngày 11 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- CC THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đỗ Thị Minh Nguyệt